

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 359 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của
Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP
ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch
đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định
chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình
số 6101/TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2020, Công văn số 953/UBND-SXD
ngày 20 tháng 02 năm 2021 và Bộ Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số
105/BC-BXD ngày 21 tháng 9 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với những nội dung chính sau:**

1. Phạm vi, ranh giới, thời hạn lập quy hoạch

a) Phạm vi, ranh giới

- Phạm vi lập quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính thành phố Đà Nẵng có tổng diện tích khoảng 129.046 ha. Trong đó: diện tích đất liền khoảng 98.546 ha, diện tích huyện Hoàng Sa là 30.500 ha. Có ranh giới như sau:

- + Phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- + Phía Tây và Nam giáp tỉnh Quảng Nam;
- + Phía Đông giáp biển Đông.

b) Thời hạn lập quy hoạch: Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Tính chất, chức năng đô thị

- Là đô thị loại I trực thuộc trung ương, trung tâm kinh tế lớn của quốc gia về du lịch, công nghiệp, thương mại, dịch vụ tài chính ngân hàng, có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển đô thị quốc gia.

- Là trung tâm văn hóa thể dục thể thao, giáo dục đào tạo, trung tâm khoa học kỹ thuật và công nghệ của khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

- Là đầu mối giao thông, viễn thông quan trọng trong vùng, quốc gia và quốc tế.

- Là một trong những địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng an ninh khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước.

3. Mục tiêu phát triển và tầm nhìn

a) Mục tiêu phát triển

- Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và khu vực Đông Nam Á, với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ.

- Là một trong những trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học - công nghệ phát triển của đất nước.

- Trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế.

- Thành phố cảng biển, đô thị biển quốc tế với vị trí là hạt nhân của chuỗi đô thị và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên.

- Trở thành đô thị sinh thái, hiện đại và thông minh, thành phố đáng sống; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

b) Tầm nhìn đến năm 2045: Trở thành đô thị lớn; thông minh, sáng tạo; bản sắc, bền vững.

4. Quy mô dân số, đất đai đô thị

a) Dân số

- Dự báo dân số đến năm 2030 khoảng 1,79 triệu người (bao gồm dân số thường trú, tạm trú và quy đổi khách du lịch); trong đó dự báo dân số thường trú, tạm trú khoảng 1,56 triệu người.

- Dự báo dân số đến năm 2045 khoảng 2,56 triệu người (bao gồm dân số thường trú, tạm trú và quy đổi khách du lịch); trong đó dự báo dân số thường trú, tạm trú khoảng 2,13 triệu người.

b) Quy mô đất xây dựng đô thị

- Diện tích đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng 31.836 ha, chiếm khoảng 32,31% diện tích đất trên đất liền.

- Diện tích đất xây dựng đô thị đến năm 2045 khoảng 35.054 ha, chiếm khoảng 35,57% diện tích đất trên đất liền.

5. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích khoảng 129.046 ha. Định hướng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 như sau:

a) Đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng 31.836 ha, chiếm khoảng 32,31% diện tích đất trên đất liền, trong đó:

- Đất dân dụng, khoảng 14.109 ha (khoảng 90,4 m²/người), chiếm khoảng 44,32% đất xây dựng đô thị, trong đó:

+ Đất đơn vị ở, khoảng 9.591 ha (khoảng 61,5 m²/người), gồm: Các nhóm nhà ở; các công trình dịch vụ - công cộng; cây xanh công cộng; đường giao thông và bãi đỗ xe cho đơn vị ở. Trong đó đất đơn vị ở khoảng 7.180 ha, đất đơn vị ở kết hợp thương mại, dịch vụ khoảng 2.411 ha;

+ Đất dịch vụ - công cộng cấp đô thị, khoảng 456 ha, gồm đất xây dựng các công trình thương mại, dịch vụ, chợ, thiết chế văn hóa,... cấp đô thị;

+ Đất trường trung học phổ thông, khoảng 108 ha;

+ Đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị, khoảng 1.394 ha;

+ Đất sử dụng hỗn hợp, khoảng 2.560 ha, gồm đất xây dựng nhà, công trình hỗn hợp hoặc được sử dụng cho một số mục đích khác nhau như: Các nhóm nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ, du lịch,...; các công trình dịch vụ - công cộng; cây xanh công cộng; đường giao thông và bãi đỗ xe.

- Đất ngoài dân dụng khoảng 17.727 ha, gồm: Đất công nghiệp, công nghệ cao khoảng 4.119 ha; đất kho tàng (kho bãi và trung tâm logistics) khoảng 229 ha; đất trung tâm nghiên cứu đào tạo khoảng 569 ha; đất cơ quan khoảng 43

ha; đất trung tâm y tế khoảng 137 ha; đất du lịch khoảng 2.388 ha; đất tôn giáo, di tích khoảng 109 ha; đất giao thông khoảng 3.085 ha (tính đến đường liên khu vực, không bao gồm giao thông tỉnh); đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật khoảng 1.140 ha; đất cây xanh chuyên đề khoảng 429 ha; đất trung tâm thể dục thể thao khoảng 931 ha; đất cây xanh chuyên dụng khoảng 1.476 ha; đất an ninh quốc phòng khoảng 2.392 ha (chưa bao gồm huyện Hoàng Sa); đất nghĩa trang khoảng 680 ha.

b) Đất khác: Khoảng 66.710 ha, gồm: Đất ở làng xóm khoảng 2.492 ha; Đất nông nghiệp khoảng 4.619 ha; đất rừng đặc dụng khoảng 31.081 ha, đất rừng phòng hộ khoảng 8.938 ha, đất rừng sản xuất khoảng 16.315 ha, mặt nước khoảng 3.221 ha; đất dự phòng khoảng 104 ha.

c) Huyện Hoàng Sa: 30.500 ha.

6. Mô hình và cấu trúc phát triển không gian

a) Cấu trúc đô thị

- Cấu trúc đô thị được gắn với cảnh quan đặc trưng theo 03 vùng đô thị, gồm vùng Ven mặt nước, vùng Lõi xanh, vùng Sườn đồi và 01 vùng sinh thái, gồm khu vực rừng, núi, đồi phía Tây và phía Bắc, khu du lịch quốc gia Sơn Trà và huyện Hoàng Sa, các sông và hồ cùng với đường bờ biển trong vùng sinh thái.

- Hình thành 02 vành đai kinh tế: (1) Vành đai phía Bắc - Vành đai Công nghiệp công nghệ cao và Cảng biển - Logistics; (2) Vành đai phía Nam - Vành đai Đồi mới sáng tạo và Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Điều chỉnh cấu trúc đô thị đơn tâm (Thanh Khê và Hải Châu) thành phát triển đa cực, bổ sung 04 cụm việc làm ưu tiên tập trung gồm: (1) Cụm Công nghiệp công nghệ cao; (2) Cụm Cảng biển và Logistics; (3) Cụm Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; (4) Cụm Đồi mới sáng tạo.

- Phát triển du lịch trên toàn Thành phố với trọng tâm ven Bờ Đông (ven biển Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn) và vịnh Đà Nẵng với các đặc điểm mặt nước tự nhiên, di sản văn hóa và dịch vụ du lịch đường thủy; du lịch sinh thái khu vực đồi núi phía Tây, phía Bắc và bán đảo Sơn Trà để tận dụng cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học.

b) Mô hình phát triển

- Phát triển các trung tâm phân tán, gồm: (1) Trung tâm đô thị gắn với Trung tâm Thành phố; (2) Trung tâm dịch vụ Công nghệ cao tại khu vực Tây Bắc Thành phố; (3) Trung tâm thương mại dịch vụ gắn với Ga đường sắt mới; (4) Trung tâm Đồi mới sáng tạo tại phía Nam Thành phố.

- Hình thành các khu đô thị, mỗi khu đô thị có dân số khoảng 50.000 đến 250.000 người; tổ chức khu đô thị thành các đơn vị ở có dân số từ 18.000 đến

20.000 người trên cơ sở được tổ chức từ các nhóm nhà ở từ 1.400 đến 2.100 người; đáp ứng cơ bản hệ thống cơ sở dịch vụ, công trình phúc lợi xã hội, thiết chế văn hóa cơ sở theo từng cấp độ, phù hợp quy chuẩn, đặc tính văn hóa và nhu cầu của người dân.

7. Định hướng tổ chức không gian

a) Định hướng phát triển không gian tổng thể

- Khu đô thị hiện hữu: Tái phát triển các khu đô thị hiện hữu theo mô hình đô thị nén, nâng cao hệ số sử dụng đất, bổ sung các tiện ích đô thị và tích hợp với hệ thống giao thông công cộng. Kiểm soát hành lang ven biển kết nối các dự án riêng lẻ thành tổng thể chung, ưu tiên phát triển các không gian, công trình, dịch vụ phục vụ cộng đồng; thực hiện các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Khu vực phát triển mới: Mở rộng, phát triển mới các khu đô thị, hình thành khu vực có chức năng chuyên biệt; thay đổi cơ cấu, hình thái không gian, phân bố dân cư và mô hình mới của đô thị bao gồm phát triển các khu vực ở cao tầng. Khai thác các khu vực đồi núi để tăng cường, bổ sung không gian xanh, phát triển dịch vụ du lịch hài hòa hình thái không gian cảnh quan, địa hình. Các khu công nghiệp, khu công nghệ cao hiện có được cải tạo, nâng cấp và mở rộng; các khu công nghiệp mới được xây dựng với cấu trúc hoàn chỉnh; phát triển các trung tâm thương mại, dịch vụ tập trung có quy mô lớn.

- Định hướng phát triển đô thị huyện lỵ huyện Hòa Vang, là Trung tâm hành chính huyện, cửa ngõ kết nối các huyện Tây Bắc tỉnh Quảng Nam và các tỉnh Tây Nguyên; là tiểu trung tâm kinh tế đa ngành, ưu tiên phát triển thương mại, dịch vụ hỗ trợ cho vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Quy mô diện tích đất khoảng 200 ha, dân số khoảng 36.000 người (chỉ tiêu đất đơn vị ở 50 m²/người - đô thị loại V). Phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ theo tiêu chuẩn đô thị.

- Khu vực nông thôn: Tổ chức lại không gian, cơ cấu chức năng các khu vực đang trong quá trình đô thị hóa tiệm cận theo các tiêu chuẩn khu đô thị gắn với gìn giữ bản sắc kiến trúc truyền thống; đến năm 2030, các xã thuộc huyện Hòa Vang phát triển đạt chuẩn đô thị loại V. Tạo lập các khu vực dự trữ phát triển cho các giai đoạn sau năm 2030, sau năm 2045. Khu vực nông thôn tập trung tại huyện Hòa Vang, bao gồm khu dân cư nông thôn, các làng nghề truyền thống được cải tạo, chỉnh trang, các khu nhà vườn gắn kết với các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp du lịch sinh thái, cộng đồng, bảo tồn thiên nhiên, các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp hiện có.

- Bảo tồn và phát huy đa dạng sinh học, địa hình, không gian xanh tự nhiên, phát triển hệ thống công viên, cây xanh, mặt nước nhằm tạo lập hình ảnh đặc trưng của Thành phố.

b) Định hướng phát triển không gian theo các phân khu

- Toàn Thành phố tổ chức thành 12 phân khu, trong đó:

(1) Phân khu Ven sông Hàn và Bờ Đông: Diện tích khoảng 6.644 ha, dân số dự kiến khoảng 484.000 người.

(2) Phân khu Ven vịnh Đà Nẵng: Diện tích khoảng 1.530 ha. Dân số dự kiến khoảng 192.000 người.

(3) Phân khu Cảng biển Liên Chiểu: Diện tích khoảng 1.285 ha. Dân số dự kiến khoảng 19.000 người.

(4) Phân khu Công nghệ cao: Diện tích khoảng 5.585 ha. Dân số dự kiến khoảng 314.000 người.

(5) Phân khu Trung tâm lõi xanh: Diện tích khoảng 4.775 ha. Dân số dự kiến khoảng 61.000 người.

(6) Phân khu Đổi mới sáng tạo: Diện tích khoảng 3.903 ha. Dân số dự kiến khoảng 233.000 người.

(7) Phân khu Sân bay: Diện tích khoảng 1.327 ha. Dân số dự kiến khoảng 104.000 người.

(8) Phân khu đô thị Sườn đồi: Diện tích khoảng 2.729 ha. Dân số dự kiến khoảng 270.000 người.

(9) Phân khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Diện tích khoảng 2.986 ha. Dân số dự kiến khoảng 27.000 người.

(10) Phân khu Dự trữ phát triển: Diện tích khoảng 5.858 ha. Dân số dự kiến khoảng 62.000 người.

(11) Phân khu sinh thái phía Tây: Diện tích khoảng 57.692 ha. Dân số dự kiến khoảng 21.000 người.

(12) Phân khu sinh thái phía Đông: Bao gồm huyện Hoàng Sa với diện tích 30.500 ha và bán đảo Sơn Trà có diện tích khoảng 4.232 ha. Dân số dự kiến khoảng 7.000 người.

8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội

a) Trung tâm hành chính, cơ quan

Hệ thống trung tâm hành chính, cơ quan bao gồm các chức năng chính trị và hành chính quan trọng như các cơ quan Đảng, chính quyền và các cơ quan khác, quy mô diện tích đất khoảng 43 ha.

Trung tâm hành chính Thành phố tại quận Hải Châu, quy mô diện tích đất khoảng 1,1 ha; bổ sung các chức năng hành chính khác, một số sở, ban, ngành phân tán về các khu vực.

Tiếp tục cải tạo, nâng cấp hệ thống trung tâm hành chính, cơ quan cấp quận, huyện với quy mô diện tích đất khoảng 27 ha, trong đó Ủy ban nhân dân huyện Hoàng Sa là đơn vị hành chính đặc thù, thực hiện hoạt động đấu tranh, bảo vệ và khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa.

b) Du lịch

Phát triển du lịch trên toàn địa bàn Thành phố gắn với các hình thức du lịch biển; du lịch thủy nội địa; du lịch sinh thái, cộng đồng; du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh; du lịch đô thị; du lịch vui chơi giải trí tổng hợp, mua sắm; du lịch thể thao; du lịch chăm sóc sức khỏe; quy mô diện tích đất khoảng 2.388 ha.

Tập trung đầu tư, hoàn thành các dự án trọng điểm gồm: Tổ hợp trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí tổng hợp; Công viên văn hóa và vui chơi giải trí phía Đông Nam Đài tưởng niệm; Khu sân golf VinaCapital Đà Nẵng; Khu Tổ hợp công trình phục vụ lễ hội pháo hoa quốc tế Đà Nẵng; Công viên chuyên đề phía Nam bán đảo Sơn Trà; Quần thể du lịch sinh thái Bà Nà – Suối Mơ, Khu du lịch Bà Nà Hills; Khu du lịch nghỉ dưỡng tổng hợp Làng Vân; Khu nghỉ dưỡng InterContinental Danang Sun Peninsula.

c) Thương mại, tài chính

- Hình thành các trung tâm thương mại tầm cỡ quốc gia, quốc tế; hình thành tuyến phố thương mại, tài chính; thành lập khu phi thuế quan nằm trong Khu phức hợp đô thị, thương mại, phi thuế quan.

- Duy trì hệ thống siêu thị hiện có, đưa vào khai thác vận hành cửa hàng miễn thuế trong phố.

- Duy trì các chợ truyền thống, phát huy giá trị của chợ văn minh truyền thống chợ Hàn, chợ Cồn gắn với trục thương mại Hùng Vương; đầu tư mới chợ đầu mối Hòa Phước, chuyển đổi chợ đầu mối Hòa Cường thành chợ dân sinh tổng hợp cấp 1.

d) Công nghệ cao

Tập trung phát triển công nghệ cao với quy mô diện tích đất khoảng 1.710 ha, gồm: (1) Khu công nghệ cao Đà Nẵng và Khu công nghệ cao mở rộng; (2) Khu công nghệ thông tin tập trung số 1, số 2, Khu Công viên phần mềm số 1, số 2, số 3; (3) ngoài ra, hình thành Cụm Đổi mới sáng tạo tại phía Nam Thành phố gắn liền với Khu đô thị đại học Đà Nẵng, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Công viên phần mềm.

đ) Công nghiệp và kho tàng (kho bãi và trung tâm logistics)

- Chú trọng phát triển các trung tâm logistics và kho bãi với quy mô diện tích đất khoảng 229 ha, bao gồm: Trung tâm logistics cảng Liên Chiểu, Trung tâm logistics ga Kim Liên mới, Trung tâm logistics Khu Công nghệ cao, Trung tâm logistics Hòa Nhơn, Trung tâm logistics cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, các trung tâm logistics nhỏ lẻ và kho bãi khác.

- Đầu tư phát triển các khu công nghiệp với quy mô diện tích đất khoảng 2.326 ha, gồm: Khu Công nghiệp Hòa Cẩm giai đoạn 1, Liên Chiểu; nâng cấp Khu công nghiệp Hòa Khánh, Hòa Khánh mở rộng thành khu công nghiệp sinh thái; Khu công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng; hình thành mới các khu công nghiệp: Hòa Cẩm giai đoạn 2, Hòa Nhơn, Hòa Ninh và Khu công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao.

- Hình thành mới các cụm công nghiệp: Cẩm Lệ, Hòa Nhơn, Hòa Khánh Nam, Hòa Hiệp Bắc với quy mô diện tích đất khoảng 83 ha.

- Duy trì và phát triển Làng nghề truyền thống điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước - Ngũ Hành Sơn; hình thành Làng nghề đá chế Hòa Sơn.

e) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

- Quy mô diện tích đất nông nghiệp khoảng 4.619 ha. Hình thành khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nằm ở phía Tây Nam Thành phố, có chức năng như trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, đào tạo, trình diễn, chuyển giao ứng dụng công nghệ cao và sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp gắn với phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ và chuyên canh, sinh thái kết hợp du lịch. Các khu vực có địa hình phức tạp xen lẫn, trong quá trình triển khai có thể xem xét chuyển đổi sang đất rừng sản xuất.

- Lâm nghiệp: Quy mô diện tích đất lâm nghiệp khoảng 56.334 ha, tập trung chủ yếu ở khu vực đồi núi phía Tây và bán đảo Sơn Trà, trong đó, đất rừng đặc dụng khoảng 31.081 ha, đất rừng phòng hộ khoảng 8.938 ha, đất rừng sản xuất khoảng 16.315 ha. Định hướng phát triển lâm nghiệp tập trung vào việc bảo tồn khu vực rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, ứng dụng công nghệ trong trồng rừng sản xuất, tiếp tục phủ xanh các đồi núi, khu vực khai thác khoáng sản nhằm nâng cao độ che phủ rừng, đa dạng sinh học, khôi phục môi trường, cảnh quan, bảo tồn và bảo vệ sinh thái, ứng phó biến đổi khí hậu. Các khu vực rừng sản xuất có điều kiện thuận lợi, nhất là khu vực ven các tuyến sông, trong quá trình triển khai có thể xem xét chuyển đổi sang đất nông nghiệp.

- Thủy sản: Môi trường biển, sông, hồ sẽ được duy trì để đảm bảo tái tạo và phát triển các nguồn lợi thủy sản. Đầu tư nâng cấp Cảng cá, phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, khai thác hải sản xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo, ứng dụng công nghệ cao và hiện đại hóa nghề khai thác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và thân thiện môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

g) Y tế

Quy mô diện tích đất khoảng 137 ha. Đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp thành phố và quận, huyện để phục vụ nhu cầu của người dân và du khách. Hình thành bệnh viện quốc tế tại phân khu Đổi mới sáng tạo để liên kết với các trường đại học y dược trong khu vực.

Mỗi khu đô thị sẽ có ít nhất một phòng khám đa khoa (trung tâm y tế và trung tâm chăm sóc sức khỏe).

h) Giáo dục - Đào tạo

Mở rộng các trường đại học, cao đẳng, trung tâm nghiên cứu đào tạo hiện có, tập trung ở phía Nam Thành phố, đặc biệt là Làng Đại học Đà Nẵng để tạo thành Khu đô thị Đại học mới. Hình thành mới một số cơ sở đào tạo, dạy nghề, viện nghiên cứu chuyên ngành tại phân khu Công nghệ cao. Quy mô diện tích đất trung tâm nghiên cứu đào tạo khoảng 569 ha.

Phân bố các trường trung học phổ thông phù hợp về quy mô dân số của từng phân khu và được đặt gần các trung tâm khu đô thị, với quy mô diện tích đất khoảng 108 ha.

Các cơ sở giáo dục khác được quy hoạch và phân bố đảm bảo đúng quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

i) Văn hóa

Các thiết chế văn hóa được phân bố phân tán trong Thành phố và trung tâm khu đô thị. Duy trì, cải tạo, nâng cấp các thiết chế đã có như thư viện, nhà hát, rạp chiếu phim và trung tâm biểu diễn,... Đầu tư mới các thiết chế văn hóa cấp thành phố bao gồm các công viên biển dọc vịnh Đà Nẵng và Bờ Đông, Nhà hát lớn thành phố, Trung tâm văn hóa thành phố, Quảng trường trung tâm thành phố, Công viên văn hóa tâm linh Ngũ Hành Sơn,... để phục vụ người dân và du khách.

Bảo tồn các công trình tôn giáo, di tích lịch sử quan trọng gồm: Bảo tàng điêu khắc Chăm, bảo tàng Đà Nẵng,...; các địa điểm tôn giáo, tâm linh (chùa Linh Ứng, nhà thờ Chính tòa, nhà thờ An Thượng Parish, Cao Đài phổ độ,...); di tích lịch sử (Thành Điện Hải, Hải Vân Quan, nghĩa trũng Hòa Vang,...). Quy mô diện tích đất tôn giáo, di tích khoảng 109 ha.

k) Thể dục - Thể thao

Quy mô diện tích đất khoảng 931 ha. Tiếp tục đầu tư, khai thác Khu liên hợp thể dục thể thao Hòa Xuân, Làng thể thao Tiên Sơn, Cung thể thao Tiên Sơn, các sân golf (Bà Nà, VinaCapital, dọc tuyến Bà Nà – Suối Mơ, Hòa Phong - Hòa Phú), các trung tâm thể thao cấp quận, huyện,...

1) Công viên cây xanh, mặt nước

Đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị là đất công viên đô thị, hành lang xanh dọc theo khu vực bờ sông đảm bảo tiếp cận của người dân, quy mô diện tích đất khoảng 456 ha. Đầu tư cải tạo, nâng cấp các công viên hiện có, đầu tư mới các công viên tại các khu đô thị. Đất cây xanh chuyên dụng bao gồm vườn ươm, đất cây xanh cách ly các cơ sở hạ tầng, đường dây điện cao thế, các khu công nghiệp, đường sắt và các tuyến giao thông đường bộ chính, quy mô diện tích đất khoảng 1.476 ha. Đất cây xanh sử dụng hạn chế trong các công viên chuyên đề, quy mô diện tích đất khoảng 429 ha.

Kết hợp không gian xanh rừng núi phong phú để góp phần nâng cao giá trị cảnh quan, bảo vệ môi trường.

Quy mô diện tích mặt nước khoảng 3.221 ha, bao gồm các ao, hồ, sông suối (chưa tính mặt biển cũng tham gia đóng góp giá trị cảnh quan cho đô thị).

Hình thành các hành lang xanh nhằm kết nối các trục cảnh quan, các không gian mở, các trục chính đô thị và các yếu tố cảnh quan khác bao gồm các khu vực ven biển, khu đồi ở trung tâm lõi xanh, Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng và các khu dân cư, các khu sử dụng hỗn hợp.

9. Thiết kế đô thị.

a) Khung thiết kế đô thị tổng thể.

- Bảo vệ giá trị và khai thác lợi thế của điều kiện địa hình tự nhiên độc đáo (bán đảo, đồi núi, sông suối, ao hồ và dải cát ven biển,...), gìn giữ đa dạng sinh học. Duy trì những khoảng không gian xanh, góc nhìn và tầm nhìn đến những khu vực cảnh quan tự nhiên.

- Giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa và di sản của Thành phố nhằm bảo tồn và phát triển bản sắc đặc trưng của đô thị.

- Khuyến khích khai thác các phong cách kiến trúc hiện đại, kiến trúc xanh, công trình có mật độ xây dựng và hình thái phù hợp theo bản sắc và đặc trưng của mỗi phân khu. Thiết kế hài hòa đảm bảo tính gắn kết giữa cảnh quan thiên nhiên, công trình và các hoạt động đô thị.

- Tăng cường kết nối không gian cảnh quan bằng các giải pháp giao thông “xanh”, phát triển hình thức đi bộ và xe đạp, giảm bớt đi lại bằng phương tiện cơ giới cá nhân. Tổ chức kiến trúc cảnh quan chú trọng tỷ lệ diện tích đất cây xanh cao, hình thành các mảng xanh, bãi cỏ bờ sông, khu cây xanh cách ly giữa khu dân cư và khu công nghiệp, hệ thống hành lang xanh kết nối các khu vực cảnh quan.

b) Tổ chức không gian

- Cửa ngõ đô thị có 09 vị trí chính gồm: 03 cửa ngõ phía Bắc, 04 cửa ngõ phía Nam, 02 cửa ngõ phía Tây. Ngoài ra còn các cửa ngõ tại đầu mỗi giao thông như: Bến xe liên tỉnh, ga đường sắt, cảng hàng không.

- Các trục không gian, cảnh quan, không gian mở:

+ Các trục đô thị chính theo hướng Bắc - Nam dọc theo Bờ Đông và hai bên sông Hàn; theo hướng Đông Tây gồm dọc theo vịnh Đà Nẵng, đường Vành đai phía Tây.

+ Các trục cảnh quan: Là những hành lang xanh chính của Thành phố, gồm những đường đi bộ dọc theo vịnh Đà Nẵng, Bờ Đông và hai bên bờ các sông như: Sông Hàn, sông Cu Đê,...

+ Quảng trường: Nâng cấp, cải tạo các quảng trường hiện có; phát triển các quảng trường mới gắn với các công viên, hồ nước, trung tâm hành chính, trung tâm thương mại (CBD). Đặc biệt, Quảng trường trung tâm được đề xuất mở rộng thành một khu vực nằm giữa sông Hàn, Trung tâm hành chính và Thành Điện Hải.

- Hình thành Khu trung tâm Thành phố nhằm xây dựng hình ảnh trung tâm đô thị Đà Nẵng thành một điểm đến kết hợp giữa hiện đại và các địa điểm văn hóa, lịch sử hiện tại được bảo tồn, tích hợp cùng với các khu vực phát triển đô thị, không gian công cộng mới và có mạng lưới giao thông tiếp cận dễ dàng.

- Các điểm nhấn đô thị: Khu Bảo tàng sông, Trung tâm kinh doanh thương mại (CBD). Các điểm nhấn đô thị khác được quy định trong quy hoạch phân khu.

c) Tổ chức mạng lưới không gian xanh

- Tổ chức không gian cây xanh:

+ Đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị được tổ chức: Hành lang xanh bao gồm các hành lang nằm dọc theo các con sông như sông Cu Đê và sông Hàn. Hệ thống công viên tuyến tính dọc theo bờ sông và khu vực ven biển, xung quanh các hồ nước, tại giao điểm của hành lang xanh và mặt nước, hoặc gần trung tâm mỗi khu đô thị;

+ Hành lang cây xanh cách ly được tạo thành các trục kết nối các không gian xanh trong toàn Thành phố;

+ Công viên chuyên đề được phân bố cho các khu vực trung tâm Thành phố, khu vực Bờ Đông và khu vực phía Tây Thành phố, phục vụ các hoạt động giải trí hấp dẫn dành cho người dân và du khách;

+ Các khu vực nhạy cảm với môi trường: Bảo tồn rừng đặc dụng và rừng phòng hộ: Bao gồm dãy Bạch Mã, dãy Bà Nà và bán đảo Sơn Trà. Đồng thời,

các khu vực này cũng có tiềm năng để hình thành khu giải trí như một công viên tự nhiên và cung cấp dịch vụ nghỉ dưỡng. Những ngọn đồi trung tâm của Đà Nẵng (Phước Tường - An Ngãi, khu vực lân cận phía Đông Khu du lịch Bà Nà) được duy trì và phát triển là không gian xanh tự nhiên của Thành phố.

- Tổ chức không gian mặt nước:

Khu vực dải cát ven biển Đà Nẵng tổ chức các công viên, lối đi bộ, đảm bảo hành lang bảo vệ bờ biển và tiếp cận của người dân, du khách.

Các dòng sông ở Đà Nẵng bao gồm: Sông Yên, sông Cu Đê, sông Hàn, sông Cỏ Cò, sông Cẩm Lệ, sông Vĩnh Điện,..., xác định một số vùng đệm thoát lũ ven sông kết hợp hình thành các hành lang xanh, công viên tuyến tính.

Hồ và hồ chứa bao gồm các hồ hiện có như hồ Đồng Nghệ, hồ Hòa Trung, hồ Hóc Khê, hồ Trước Đông,... cũng như các hồ chứa mới được tổ chức ở vùng trũng thấp phía Tây Đà Nẵng và vùng đồng bằng ngập lụt ở phía Nam.

Quy hoạch các khu đô thị mới ưu tiên dành quỹ đất tổ chức hồ điều hòa, hành lang thoát lũ; các khu vực trũng thấp, bị ảnh hưởng thường xuyên của lũ lụt ưu tiên áp dụng mô hình đô thị thích ứng ngập lụt, dùng quỹ đất tạo khu vực chứa nước tạm,...

d) Các chỉ tiêu kiểm soát phát triển

- Hệ số sử dụng đất trung bình từ 1,0 đến hơn 7,0 lần. Trong đó: Khu vực trung tâm Thành phố hiện tại khoảng 3,5 lần và khu vực mở rộng để hình thành phố tài chính mới và Khu trung tâm thương mại (CBD) của Đà Nẵng khoảng 7,0 lần; ngoại ô Đà Nẵng hệ số sử dụng đất thấp khoảng hơn 1,0 lần. Riêng hệ số sử dụng đất các công trình điểm nhấn thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Chiều cao xây dựng trung bình:

+ Các khu vực phát triển cao tầng trung bình hơn 80 m được cho phép trong vùng trung tâm Thành phố mở rộng (một phần quận Sơn Trà và quận Ngũ Hành Sơn);

+ Các khu vực phát triển cao tầng khác trung bình từ 60 m đến 80 m được cho phép trong khu vực trung tâm Thành phố hiện tại (một phần quận Hải Châu);

+ Các khu vực phát triển tầm trung trung bình từ 40 m đến 60 m tập trung chủ yếu dọc theo vịnh Đà Nẵng (một phần quận Hải Châu, Thanh Khê, Liên Chiểu) nhằm đảm bảo tầm nhìn ra Vịnh không bị hạn chế và khu vực xung quanh sân bay Đà Nẵng;

+ Các khu vực thấp tầng trung bình dưới 40 m nằm trong hành lang cát - hạ cánh của sân bay do hạn chế về tính không sân bay. Các nhà xưởng trong

khu công nghiệp có chiều cao trung bình khoảng 30m, các nhà ở riêng lẻ khu vực phía Nam chiều cao trung bình khoảng 20 m.

- Mật độ xây dựng: Để duy trì kết cấu đô thị hiện tại của Đà Nẵng, các khu đô thị hiện tại cần tuân thủ các yêu cầu về mật độ xây dựng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

10. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Quy mô diện tích đất công trình đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật khoảng 1.140 ha, đất giao thông khoảng 3.085 ha (tính đến đường liên khu vực, không bao gồm giao thông tỉnh), đất nghĩa trang khoảng 680 ha.

a) Giao thông

- Giao thông đối ngoại:

+ Hàng không: Tiếp tục nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng đạt công suất 30 triệu hành khách mỗi năm, cấp 4E, là cảng hàng không cửa ngõ quốc tế, quy mô diện tích đất dự kiến khoảng 856 ha. Phát triển, mở rộng đồng bộ các công trình cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không theo quy hoạch để trở thành trung tâm logistics chuyên dụng;

+ Đường sắt: Quy hoạch hành lang tuyến cho đường sắt tốc độ cao và đường sắt quốc gia chạy song song về phía Đông đường bộ cao tốc; xây dựng nhà ga đường sắt mới đạt công suất 10 triệu hành khách/năm, diện tích khoảng 30 ha, Depot diện tích khoảng 60 ha, tại khu vực phía Bắc nút giao giữa đường Bà Nà - Suối Mơ với đường bộ cao tốc, gắn với việc hình thành hệ thống trung tâm thương mại dịch vụ, là động lực phát triển khu vực phía Tây Thành phố. Xây dựng nhà ga hàng hóa tại khu vực Kim Liên để kết nối với cảng Liên Chiểu;

+ Cảng biển: Đầu tư xây dựng mới cảng Liên Chiểu công suất đạt 50 triệu tấn/năm, diện tích khoảng 450 ha (bao gồm cả phần mặt nước); diện tích hậu cần cảng khoảng 195 ha. Cảng Tiên Sa sẽ được chuyển dần thành cảng du lịch sau khi cảng Liên Chiểu đi vào hoạt động. Tiếp tục phát triển Khu bến Thọ Quang là cảng tổng hợp cho tàu trọng tải từ 10.000 đến 20.000 tấn, có bến chuyên dùng cho tàu trọng tải từ 5.000 đến 10.000 tấn;

+ Đường bộ: Tiếp tục xây dựng, nâng cấp Quốc lộ 14B, đoạn từ Túy Loan đến cầu Hà Nha (huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam), đoạn qua địa phận Đà Nẵng dài khoảng 8 km, đạt quy mô đường trục chính đô thị 6 làn xe. Nâng cấp Quốc lộ 14G từ huyện Hòa Vang đi Tây Giang (Quảng Nam), đoạn qua địa phận Đà Nẵng dài khoảng 23 km, đạt quy mô thiết kế đường cấp III đồng bằng. Tổ chức các nút giao thông kết nối vào hệ thống giao thông đối nội;

+ Đường thủy: Phát triển các tuyến đường thủy: Sông Hàn - sông Cổ Cò - sông Thu Bồn, sông Hàn - sông Vĩnh Điện - sông Thu Bồn; tuyến từ vịnh

Đà Nẵng đi Hòn Sơn Trà Con, Cù Lao Chàm để kết nối trung tâm Thành phố với Hội An phục vụ phát triển du lịch. Phát triển cảng sông Hàn thành cảng đón tàu biển du lịch cỡ lớn, phát huy tối đa lợi thế cảng đường thủy trong khu vực trung tâm Thành phố, thúc đẩy phát triển du lịch đường thủy nội địa và đường biển quốc tế.

- Giao thông đối nội:

+ Đường sắt: Quy hoạch phát triển các tuyến đường sắt nhánh kết nối từ các ga hàng hóa đến các Khu công nghiệp, Trung tâm logistic, cảng cạn;

+ Đường bộ:

Kéo dài đường Vành đai phía Tây đi qua Khu công nghệ cao, kết nối tại điểm giao đường cao tốc La Sơn - Túy Loan và đường tránh Nam hầm Hải Vân.

Quy hoạch bổ sung tuyến đường giữa đường Vành đai phía Tây và đường bộ cao tốc nối từ đường Nguyễn Tất Thành (nối dài) qua Quốc lộ 14B gần Trung tâm hành chính huyện Hòa Vang và kéo dài đến biển. Kéo dài tuyến đường Vành đai phía Tây 2 đến đường Vành đai phía Nam.

Quy hoạch và xây dựng hầm chui xuyên qua sân bay, kết nối phía Đông và phía Tây; bổ sung các tuyến đường mới kết nối trực tiếp từ cảng Liên Chiểu đến đường tránh Nam hầm Hải Vân - Túy Loan, từ đường Nguyễn Sinh Sắc đến đường Hoàng Văn Thái nối dài, từ Khu công nghiệp Hòa Khánh đến ga đường sắt mới để tạo thành trục chính kết nối Đông - Tây.

Trong khu vực trung tâm Thành phố, quy hoạch tuyến đường Lê Duẩn kết nối với đường Đồng Đa tạo tuyến trục liên thông từ đường Điện Biên Phủ đến đường 3 Tháng 2; quy hoạch tuyến đường Hoàng Hoa Thám thông ra đường Nguyễn Tất Thành (xuyên qua khu vực Ga đường sắt hiện trạng) để tạo thành tuyến trục liên thông chính từ Nguyễn Hữu Thọ - Lê Đình Lý - Hoàng Hoa Thám - Nguyễn Tất Thành nhằm giảm tải cho các tuyến đường lân cận.

Quy hoạch và xây dựng công trình hầm qua sông kết nối từ khu vực đường Đồng Đa - Trần Phú sang đường Vân Đồn - Trần Hưng Đạo; cầu đường bộ nối đường 29 Tháng 3, quận Cẩm Lệ với tuyến đường Bùi Tá Hán, quận Ngũ Hành Sơn,...

+ Hệ thống giao thông công cộng:

Quy hoạch 02 tuyến MRT, 11 tuyến LRT, 02 tuyến Tramway cùng các điểm Depot, trung chuyển phù hợp. Tiếp tục phát triển mạng lưới xe buýt nội thị đảm bảo mức độ bao phủ và bán kính phục vụ cần thiết; kết nối thuận lợi và phục vụ thu gom cho các tuyến MRT, LRT, Tramway.

+ Công trình đầu mối (Bến xe):

Quy hoạch mới bến xe khách liên tỉnh phía Bắc tại Cụm công nghiệp Thanh Vinh (diện tích khoảng 43 ha); bến xe phía Tây (cửa ngõ lên Tây Nguyên) tại khu vực Nhà máy xi măng Hòa Khương (sau khi di dời, diện tích khoảng 13 ha); tiếp tục phát triển bến xe phía Nam; định hướng chuyển đổi bến xe trung tâm phục vụ giao thông công cộng; phát triển khu vực Ga đường sắt hiện trạng sau khi di dời thành Ga giao thông công cộng trung tâm kết hợp phát triển dịch vụ thương mại, công viên.

+ Giao thông tĩnh:

Phát triển mạng lưới các bến, bãi và điểm đỗ xe công cộng đảm bảo diện tích đất cho giao thông tĩnh đạt $(3÷4) \%$ diện tích đất xây dựng đô thị, trong đó tổng diện tích các bãi đỗ xe khu vực trung tâm khoảng 120 ha. Khuyến khích khai thác không gian ngầm làm bãi đỗ xe kết hợp với dịch vụ công ích đô thị.

+ Đường thủy: Phát triển các tuyến đường thủy qua sông Hàn, sông Túy Loan, sông Yên, sông Cu Đê, sông Cổ Cò, quanh bán đảo Sơn Trà,...; quy hoạch, xây dựng các bến thủy nội địa phục vụ phát triển du lịch.

b) Chuẩn bị kỹ thuật

- Cao độ nền và phòng chống thiên tai:

Cao độ nền không chế tính theo mực nước tính toán đối với khu ở, khu công nghiệp - kho tàng và khu trung tâm là $P=1\%$.

Cao độ nền không chế tính theo mực nước tính toán đối với khu cây xanh cách ly, thể dục thể thao là $P=10\%$.

Cao độ nền không chế có xét đến mực nước biển dâng theo kịch bản biến đổi khí hậu: $+0,25m$.

Đối với những khu vực đô thị cũ như Hải Châu, Thanh Khê và những khu vực đô thị mới đã được xây dựng: Giữ lại cao trình hiện trạng, từng bước nghiên cứu giải pháp nâng cao độ các tuyến kè hiện trạng tại các khu vực cần thiết dọc sông Hàn, Cổ Cò, Cẩm Lệ, Cu Đê, Vĩnh Điện,... lên đến cao độ mực nước không chế kết hợp với giải pháp bố trí trạm bơm và hồ điều hòa.

Đối với các khu vực dân cư giữ lại chỉnh trang và khu vực quy hoạch đô thị mới thuộc huyện Hòa Vang: Bố trí đê bao tại các khu vực cần thiết dọc tuyến sông Túy Loan, Yên, Cu Đê, Vĩnh Điện, ... Khu vực trong đê, cốt nền xây dựng tối thiểu $P=5\%$ và cơ bản theo địa hình hiện trạng tương ứng với tần suất $P= (1÷5) \%$, kết hợp giải pháp bố trí trạm bơm và hồ điều hòa.

Tăng cường củng cố, nâng cấp công trình thủy lợi, đê, kè đảm bảo an toàn trước thiên tai và nâng cao hiệu quả quản lý. Nâng cấp hệ thống kè biển và cửa sông lớn tại các khu vực cần thiết như kè dọc vịnh Đà Nẵng, kè biển

của khu đô thị Đa Phước, kè Nam Ô, kè đường Hoàng Sa - Võ Nguyên Giáp - Trường Sa, kè cửa sông Hàn, kè sông Cu Đê,...

- Thoát nước mưa:

Lưu vực thoát nước mưa được chia thành 05 khu theo đặc điểm địa hình và nguồn tiếp nhận, gồm: (1) Khu vực trung tâm Thành phố, (2) khu vực Tây Bắc, (3) khu vực phía Đông, (4) khu vực phía Nam và (5) khu vực huyện Hòa Vang. Nguồn tiếp nhận là các sông: Hàn, Cẩm Lệ, Túy Loan, Cu Đê, Cỏ Cò, Phú Lộc, ...; các hồ điều hòa; kênh hở và vịnh Đà Nẵng. Riêng khu vực ven biển phía Đông ưu tiên lựa chọn phương án thoát nước mưa về hướng sông Hàn.

Hệ thống thoát nước: Đối với các khu đô thị cũ, tiếp tục sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng, từng bước chuyển thành hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Đối với khu vực ven biển, khu vực đang phát triển và xây dựng mới thì ưu tiên sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn; khu vực vịnh Đà Nẵng hạn chế thoát nước mưa qua các cửa xả bằng giải pháp nâng cấp hệ thống cống bao.

Tiến hành nạo vét các sông Cu Đê, Cỏ Cò nhằm mục tiêu nâng cao khả năng thoát lũ. Triển khai các giải pháp cải tạo, chỉnh trang hồ tại khu vực đô thị.

c) Cấp điện và chiếu sáng đô thị

Tổng nhu cầu cấp điện đến năm 2030 là 1.790 MW.

- Nguồn điện: Sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia từ trạm biến áp 500kV, 220kV Đà Nẵng (phường Hòa Thọ Tây); trạm biến áp 220kV Hòa Khánh (phường Hòa Khánh Bắc), trạm biến áp 220kV Ngũ Hành Sơn (phường Mỹ An). Thực hiện xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các trạm biến áp, trong đó:

+ Mở rộng, nâng cấp trạm biến áp 500kV Đà Nẵng từ 2x450 (MVA) lên thành 2x900 (MVA);

+ Xây dựng mới trạm biến áp 220kV: Hải Châu 2x250 (MVA); Liên Chiểu 2x250 (MVA); Sơn Trà 1x250 (MVA);

+ Xây dựng mới trạm biến áp 110kV: Chi Lăng 2x63 (MVA); cảng Tiên Sa 2x63 (MVA); Hòa Phong 2x63 (MVA); Hòa Nhơn 2x63 (MVA); cảng Liên Chiểu 2x63 (MVA); Khuê Trung 2x63 (MVA); Thuận Phước 2x63 (MVA); Hòa Khánh Nam 2x63 (MVA); Hòa Hải 2x63 (MVA); Thọ Quang 2x63 (MVA); Hòa Liên 2x63 (MVA); mở rộng và nâng cấp các trạm biến áp 110kV hiện trạng.

Bổ sung nguồn điện từ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát điện với công suất 2x18MW tại bãi rác Khánh Sơn; nguồn điện sinh khối 15MW tại Khu công nghiệp Liên Chiểu; nguồn điện năng lượng mặt trời mặt đất khoảng

250MW tại các mỏ khoáng sản đã đóng cửa; phát triển điện mặt trời mái nhà. Khuyến khích phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch.

- Lưới điện:

Mạng lưới cao thế: Từng bước cải tạo ngầm hóa lưới điện cao thế trong khu vực nội thị.

Mạng lưới trung thế: Cải tạo các trạm biến áp 22/0,4kV và ngầm hóa lưới điện trung thế (22kV) tại các khu vực nội thị, các tuyến phố chính, tuyến phố du lịch.

Mạng lưới hạ thế: Ngầm hóa lưới điện hạ thế (0,4kV) tại các khu vực nội thị, các tuyến phố chính, tuyến phố du lịch.

- Phát triển hệ thống năng lượng thông minh, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giám sát, quá trình phát, truyền tải, phân phối, tiêu thụ năng lượng. Phát triển hạ tầng dữ liệu lưới điện Thành phố trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS).

- Chiếu sáng đô thị: Cải tạo, nâng cấp, phát triển tất cả các loại hình chiếu sáng theo hướng sử dụng thiết bị có hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, gồm: Chiếu sáng không gian công cộng; chiếu sáng mặt ngoài công trình; chiếu sáng quảng cáo, trang trí và chiếu sáng khu vực phục vụ lễ hội; chiếu sáng trong khuôn viên công trình do các tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý và sử dụng. Mở rộng, hình thành Trung tâm điều khiển điện chiếu sáng thông minh.

d) Thông tin, truyền thông

- Về bưu chính, chuyển phát:

Xây dựng hệ thống kho bãi phân phối nội địa đảm bảo quy mô đạt khoảng 5.000 m²/quận (huyện); số lượng trung chuyển hàng hóa chuyển phát khoảng 25 lượt/ngày; mạng lưới điểm chuyển phát bưu chính cấp cơ sở đạt 0,8 km/điểm phục vụ.

- Về viễn thông, thông tin liên lạc: Đảm bảo đáp ứng 100% nhu cầu về dịch vụ viễn thông của người dân, kể cả vùng núi khó khăn về địa hình.

Phát triển mạng lưới hạ tầng thông tin di động: Ưu tiên dùng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật, sử dụng công nghệ mạng di động thế hệ tiếp theo, ưu tiên phát triển mạng lưới truyền dẫn vô tuyến phù hợp với công nghệ internet vạn vật (IoT).

Phát triển hạ tầng mạng lưới truyền dẫn hữu tuyến: Ngầm hóa 100% mạng cáp viễn thông ngoại vi, chỉnh trang trong khu vực trung tâm Thành phố và các khu vực khác; các khu vực đô thị mới phải có hạ tầng ngầm cho toàn bộ mạng cáp viễn thông ngoại vi (cả cáp trục và cáp phối đến thuê bao).

- Về hạ tầng công nghệ thông tin:

Nâng cấp mở rộng Trung tâm dữ liệu hiện tại và triển khai thêm 02 Trung tâm dữ liệu mới để cung cấp hạ tầng tính toán, lưu trữ chuyên sâu, bảo đảm khả năng dự phòng; hình thành Trung tâm giám sát an toàn, an ninh thông tin, Trung tâm giám sát điều hành thành phố thông minh.

Xây dựng kho dữ liệu dùng chung; cơ sở dữ liệu hạ tầng đô thị (đất đai, quy hoạch, xây dựng, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, điện chiếu sáng,...) trên nền GIS.

- Về hạ tầng các khu công nghệ thông tin phục vụ phát triển công nghiệp số:

Triển khai xây dựng Khu công viên phần mềm số 2 (Khu công nghệ thông tin tập trung số 2), thu hút đầu tư Khu công viên phần mềm số 3 (Tổ hợp không gian sáng tạo Hòa Xuân, Cẩm Lệ); xúc tiến, thu hút đầu tư vào Khu công nghệ thông tin Đà Nẵng số 1; khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển các khu công viên phần mềm do doanh nghiệp làm chủ đầu tư.

- Triển khai chương trình chuyển đổi số, các kế hoạch, chính sách thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số, sản phẩm số trên địa bàn Thành phố.

đ) Cấp nước:

- Tổng nhu cầu sử dụng nước là 800.000 m³/ngày đêm. Nguồn nước từ chuỗi sông Yên - Cầu Đỏ; sông Quá Giáng; sông Cu Đê; suối Đá, suối Tình, suối Lương; hồ Hòa Trung và hồ chứa sông Bắc.

- Các công trình cấp nước: Nâng cấp nhà máy nước Cầu Đỏ đạt công suất 390.000 m³/ngày đêm, nhà máy nước hồ Hòa Trung đạt công suất 20.000 m³/ngày đêm. Xây dựng mới nhà máy nước Hòa Liên, công suất 240.000 m³/ngày đêm, nhà máy nước sử dụng nguồn nước từ chuỗi sông Yên - Quá Giáng, công suất 120.000 m³/ngày đêm. Tiếp tục duy trì hoạt động nhà máy nước Sân bay, công suất 30.000 m³/ngày đêm và các nhà máy cấp nước nhỏ lẻ hiện có.

- Các tuyến ống truyền tải: Tiếp tục xây dựng các tuyến ống truyền tải tại các khu vực. Bổ sung các tuyến ống truyền tải về khu vực phía Tây Nam Thành phố đảm bảo cấp nước theo định hướng phát triển đô thị trong tương lai.

- Phát triển hệ thống quản lý nước thông minh.

e) Thoát nước thải:

- Nước thải đô thị đạt tỷ lệ thu gom và xử lý trên 90%; tổng lưu lượng nước thải phát sinh khoảng 495.000 m³/ngày đêm, chia làm 05 lưu vực với các trạm xử lý nước thải (XLNT) chính như sau: (1) Trạm XLNT Hòa

Xuân 120.000 m³/ngày đêm; (2) trạm XLNT Phú Lộc 105.000 m³/ngày đêm; (3) trạm XLNT Sơn Trà 65.000 m³/ngày đêm; (4) trạm XLNT Ngũ Hành Sơn 30.000 m³/ngày đêm; (5) trạm XLNT Liên Chiểu 70.000 m³/ngày đêm.

Đối với khu vực huyện Hòa Vang đạt tỷ lệ thu gom và xử lý trên 70%, dự kiến 02 lưu vực với trạm XLNT: (1) Trạm XLNT công suất 80.000 m³/ngày đêm tại khu vực xã Hòa Nhơn, (2) trạm XLNT công suất 45.000 m³/ngày đêm tại khu vực phía Tây Nam Thành phố. Số lượng và vị trí cụ thể của trạm XLNT có thể xem xét điều chỉnh ở giai đoạn sau nhằm bảo đảm phù hợp với tốc độ phát triển đô thị tại từng khu vực.

- Phân đấu tỷ lệ tái sử dụng nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt 25%.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động công nghiệp, công nghệ cao: Tổng lưu lượng phát sinh khoảng 110.000 m³/ngày đêm. Nước thải phát sinh được thu gom và xử lý riêng, bảo đảm các yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải y tế: Được thu gom và xử lý riêng trong từng bệnh viện, chất lượng nước sau khi xử lý bảo đảm yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận hoặc đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa.

g) Chất thải rắn và nghĩa trang:

- Chất thải rắn: Tổng lượng chất thải rắn phát sinh là 2.510 tấn/ngày.

Từng bước triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn theo lộ trình. Chất thải rắn công nghiệp và y tế nguy hại được phân loại, thu gom và vận chuyển riêng.

Khuyến khích áp dụng mô hình xử lý rác theo xu hướng “kinh tế tuần hoàn” với các công nghệ xử lý phải đáp ứng tỷ lệ chất thải đem chôn lấp $\leq 5\%$ tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đưa đến nhà máy xử lý.

Từng bước phát triển hệ thống quản lý, giám sát chất thải thông minh.

- Khu xử lý chất thải rắn:

Tập trung tại khu vực Khánh Sơn theo hướng nâng cấp bãi rác Khánh Sơn hiện tại trở thành Khu liên hợp xử lý chất thải rắn, bao gồm đầu tư 02 Nhà máy xử lý chất thải rắn với công suất lần lượt là 650 tấn/ngày và 1.000 tấn/ngày. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư Nhà máy xử lý chất thải rắn công suất 1.000 tấn/ngày ở giai đoạn phù hợp tùy thuộc vào lượng chất thải rắn phát sinh thực tế. Đầu tư lò đốt rác nguy hại và hệ thống phân bùn bể phốt.

- Nghĩa trang:

Khai thác các nghĩa trang tập trung hiện có của Thành phố theo hướng hiện đại, sinh thái; mở rộng một số nghĩa trang có điều kiện thuận lợi như: Hòa Sơn, An Châu để di dời toàn bộ các nghĩa trang còn lại trong nội thị và

các nghĩa trang tự phát trên địa bàn huyện Hòa Vang để bảo vệ môi trường và cảnh quan. Quỹ đất sau khi di dời sẽ được sử dụng vào các mục đích khác, ưu tiên cho các chức năng phục vụ cộng đồng.

11. Đánh giá môi trường chiến lược

Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xây dựng đô thị, đặc biệt là xây dựng các dự án, công trình tại các khu vực rừng núi và khu vực đất sản xuất nông nghiệp, vùng bảo tồn hệ sinh thái, vùng kiểm soát ô nhiễm,...

Thực hiện các biện pháp công trình và phi công trình nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, đặc biệt là các tác động tiêu cực như: Hạn hán, xâm nhập mặn ảnh hưởng đến khả năng cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

Hình thành hệ thống hồ điều hòa mang bản sắc riêng, thiết lập chuỗi “không gian xanh” với mục tiêu tạo không gian cảnh quan và điều hòa vi khí hậu.

Xây dựng mạng lưới quan trắc chất lượng nước đồng bộ, bao phủ để bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên nước.

Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp, đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi xả ra môi trường.

Xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn trên cơ sở sử dụng công nghệ hiện đại (đốt - thu hồi năng lượng) và nâng cao hiệu quả chôn lấp; thiết lập hành lang an toàn vệ sinh môi trường đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Nâng tỷ lệ hỏa táng trung bình lên 30%, giảm dần hình thức chôn lấp nhằm tiết kiệm đất bố trí xây dựng nghĩa trang và giảm tối đa ảnh hưởng đến môi trường.

Bảo vệ và phục hồi hệ sinh thái, đa dạng sinh học, đặc biệt là hệ sinh thái bán đảo Sơn Trà và núi Bà Nà, núi Bạch Mã, hệ sinh thái rạn san hô khu vực ven biển và vịnh Đà Nẵng.

Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường tại các khu vực cửa sông, ven biển, tại các khu công nghiệp.

12. Kinh tế đô thị

a) Phân kỳ thực hiện quy hoạch

- Giai đoạn 2020 đến 2030

+ Trong 05 năm đầu (2020 - 2025) là giai đoạn củng cố, tập trung chủ yếu vào hoàn thiện các dự án đã được phê duyệt và chưa hoàn thành. Khuyến khích sự phát triển của khu dân cư mới nhằm hỗ trợ Khu công nghệ cao và

phân khu Sườn đồi để phục vụ các khu dân cư được di dời trong những năm tiếp theo. Tập trung phát triển các dự án trong khu vực đô thị và trung tâm Thành phố hiện có, bao gồm phố tài chính và trung tâm kinh doanh thương mại CBD để hiện đại hóa Thành phố;

+ Trong 05 năm tiếp theo (2025 - 2030) sẽ là giai đoạn biến chuyển, sẽ tái phát triển và mật độ hóa khu vực đô thị hiện tại. Đồng thời tập trung vào các dự án thương mại, văn hóa và du lịch đẳng cấp cao; hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án hạ tầng quan trọng như mở rộng nhà ga T1 và xây dựng nhà ga hàng hóa tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng; cảng Liên Chiểu, cảng biển du lịch Tiên Sa; Ga đường sắt mới; hầm qua sân bay, hầm qua sông Hàn; đường sắt đô thị, tái thiết khu vực ga đường sắt cũ,...

Dự kiến nguồn vốn đầu tư cho giai đoạn 2020 - 2030 bao gồm nguồn đầu tư từ ngân sách Thành phố, nguồn ngân sách Trung ương và các nguồn vốn khác.

- Giai đoạn 2030 đến 2045: Sẽ tái thiết hoàn chỉnh khu đô thị hiện tại, các vùng đất dự trữ ở phía Nam và phía Tây cũng được phân vùng để sử dụng phù hợp. Các dự án trọng điểm sẽ hoàn thiện như Khu công nghệ cao Đà Nẵng, Khu đổi mới sáng tạo ở phía Nam, các cụm du lịch và các khu đô thị mới ở phía Tây Thành phố; các dự án giao thông: Đường Metro, Tramway Đà Nẵng- Hội An; các dự án văn hóa như Nhà hát lớn,... Các khu vực sử dụng đất hiện trạng mâu thuẫn với cấu trúc tổng thể của Thành phố sẽ dần được di dời bao gồm: Khu dân cư hiện trạng để phát triển đô thị tại phân khu Sườn đồi và phân khu Đồi mới sáng tạo ở phía Nam; các khu dân cư để mở rộng Khu đô thị Sân bay.

b) Các chương trình và dự án ưu tiên

- Ưu tiên lựa chọn các chương trình, dự án: (1) Để triển khai cụ thể hóa quy hoạch chung (điều chỉnh Chương trình trình phát triển đô thị; lập khu vực phát triển đô thị; kế hoạch phát triển đô thị; lập quy hoạch phân khu, quy hoạch nông thôn, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật kể cả quy hoạch không gian ngầm, quy hoạch cảng hàng không quốc tế; mô hình hóa, số hóa quy hoạch; cơ sở dữ liệu quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch); (2) các dự án theo lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật đầu mối; (3) các dự án theo nguồn vốn đầu tư ngân sách nhà nước (các dự án động lực, trọng điểm nhằm hỗ trợ, thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển chung, thúc đẩy quá trình đô thị hóa, thời gian thu hồi vốn kéo dài), các nguồn vốn khác (các dự án có khả năng sớm thu hồi vốn, đóng góp tăng trưởng, ...). Dự án cụ thể, nguồn lực và phân kỳ đầu tư tại Phụ lục kèm theo.

c) Cơ chế huy động, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước; rà soát quỹ đất để có phương án quy hoạch, kêu gọi đầu tư phù hợp; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường đối thoại để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; đẩy mạnh giải pháp khơi thông nguồn lực; khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ đất đai; lựa chọn

nhà đầu tư chiến lược, trọng điểm phù hợp với định hướng phát triển Thành phố và các ngành mũi nhọn.

13. Ban hành Quy định quản lý theo Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch được duyệt.
- Tổ chức rà soát và lập các chương trình, khu vực và kế hoạch phát triển đô thị; các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị; các quy hoạch nông thôn, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật kể cả quy hoạch không gian ngầm, quy hoạch cảng hàng không quốc tế phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được duyệt.
- Tổ chức lập và ban Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Đà Nẵng, làm cơ sở cho quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn Thành phố.
- Xây dựng cơ chế, chính sách liên quan đến tài chính, đất đai để thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư.
- Trong quá trình triển khai thực hiện, chủ động rà soát quy hoạch, bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu phù hợp với quy chuẩn và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Giao Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Giao Bộ Xây dựng hướng dẫn và thường xuyên, định kỳ giám sát việc thực hiện Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Giao các bộ, ngành phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trong việc xây dựng cơ chế, chính sách theo Nghị quyết số 119/2020/QH14 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng; triển khai thực hiện hệ thống cơ sở hạ tầng khung chính của Thành phố, sân bay, bến cảng Liên Chiểu và các công trình quan trọng, thiết yếu, ...; triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị tại địa phương, đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất.

5. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tiếp tục cân đối bố trí vốn để đầu tư phát triển bến cảng Liên Chiểu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2357/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2013.

Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Công Thương, Quốc phòng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công an, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thành ủy, HĐND, UBND TP Đà Nẵng;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, NN, NC, KGVX, PL, KTTH, Vụ.I, QHĐP;
- Lưu: VT, CN (3b). Tuần 11

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng